

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Mở rộng khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ,
thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 142/TTr-STC ngày 01/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Mở rộng khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, thành phố Quy Nhơn.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 22/7/2010 đến ngày 11/12/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3-4
Tổng số	80.406.026.614	74.478.200.000	74.258.740.000	219.460.000
- Đã thanh toán			74.556.728.000	

+ Nguồn vốn vay ngân hàng			15.671.335.000	
+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất			31.261.431.000	
+ Nguồn bán cổ phiếu của Công ty Pisico			1.885.688.000	
+ Nguồn bán cổ phiếu của Công ty đường Bình Định			134.820.000	
+ Nguồn sự nghiệp kinh tế			88.440.000	
+ Nguồn đấu giá quyền sử dụng đất			2.739.019.000	
+ Nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương			61.509.000	
+ Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất			4.497.983.000	
+ Nguồn thu tiền thuê đất nộp một lần			2.033.000.000	
+ Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh			3.000.000.000	
+ Nguồn tăng thu sử dụng đất			155.112.000	
+ Nguồn hủy dự toán theo kết luận Kiểm toán CN II			171.000.000	
+ Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh			5.000.000.000	
+ Vốn ngân sách tỉnh			7.000.000.000	
+ Nguồn vay tồn ngân kho bạc			857.391.000	
- Vốn đã thu hồi			297.988.000	

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	80.406.026.614	74.478.200.000
- Bồi thường, giải phóng mặt bằng	18.381.144.850	18.240.040.877

+ Bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng	18.020.916.850	17.896.572.877
+ Chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	355.028.000	343.468.000
+ Trích lục bản đồ địa chính	5.200.000	0
- Xây dựng	54.677.651.123	52.553.376.123
+ Gói số 01 (San nền mặt bằng)	22.918.642.000	21.896.385.000
. Công ty TNHH Đình Phát Bình Định		12.892.354.000
. Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức Bình Định		9.004.031.000
+ Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)	9.046.016.000	8.229.392.000
+ Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	10.734.342.000	10.639.323.000
+ Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)	1.403.979.123	1.403.979.123
+ Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)	4.293.036.000	4.228.845.000
+ San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt, đường giao thông và cấp nước sinh hoạt (bổ sung)	6.060.363.000	5.954.294.000
+ Đường dây 0,4kV và điện chiếu sáng (bổ sung)	221.273.000	201.158.000
- Quản lý dự án	935.712.989	738.807.000
- Tư vấn đầu tư xây dựng	2.657.264.436	2.293.202.000
+ Chi phí lập quy hoạch chi tiết	251.490.000	213.440.000
. Khảo sát lập bản đồ địa hình	25.098.000	25.098.000
. Lập nhiệm vụ quy hoạch	13.951.000	13.951.000
. Thiết kế quy hoạch xây dựng	174.391.000	174.391.000
. Thẩm định quy hoạch	11.098.000	0
. Quản lý quy hoạch	9.512.000	0
. Công bố quy hoạch	8.720.000	0
. Đưa mốc giới ra thực địa	8.720.000	0
+ Khảo sát; Lập dự án đầu tư	276.591.000	257.060.000

. Khảo sát địa chất	100.000.000	85.619.000
. Lập dự án đầu tư	176.591.000	171.441.000
+ <i>Khảo sát; Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán</i>	783.993.739	741.986.000
. Khảo sát địa hình gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	42.005.291	0
. Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	741.988.448	741.986.000
<i>Gói số 01 (San nền mặt bằng)</i>	<i>101.430.701</i>	<i>101.430.000</i>
<i>Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)</i>	<i>218.075.697</i>	<i>218.075.000</i>
<i>Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)</i>	<i>201.222.378</i>	<i>201.222.000</i>
<i>Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)</i>	<i>36.218.147</i>	<i>36.218.000</i>
<i>Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)</i>	<i>102.126.346</i>	<i>102.126.000</i>
<i>San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt, đường giao thông và cấp nước sinh hoạt (bổ sung)</i>	<i>78.856.000</i>	<i>78.856.000</i>
<i>Đường dây 0,4kV và điện chiếu sáng (bổ sung)</i>	<i>4.059.179</i>	<i>4.059.000</i>
+ <i>Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán</i>	97.725.331	92.656.000
. Gói số 01 (San nền mặt bằng)	20.012.465	20.012.000
. Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)	25.350.057	23.803.000
. Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	31.180.948	31.041.000
Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)	4.185.746	4.000.000
Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)	16.996.115	13.800.000
+ <i>Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu</i>	143.927.032	140.237.000
. Gói số 01 (San nền mặt bằng)	54.948.757	54.948.000
. Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)	24.697.965	24.697.000
. Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	30.378.864	27.270.000
. Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)	4.078.075	4.078.000

. Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)	18.511.312	18.511.000
. San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt, đường giao thông và cấp nước sinh hoạt (bổ sung)	10.909.744	10.733.000
. Đường dây 0,4kV và điện chiếu sáng (bổ sung)	402.315	0
+ Giám sát thi công xây dựng	1.014.487.736	847.823.000
. Gói số 01 (San nền mặt bằng)	388.917.465	388.916.000
. Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)	167.342.979	116.289.000
. Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	205.834.351	103.293.000
. Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)	27.631.310	24.418.000
. Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)	107.128.630	97.275.000
. San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt, đường giao thông và cấp nước sinh hoạt (bổ sung)	111.988.520	111.988.000
. Đường dây 0,4kV và điện chiếu sáng (bổ sung)	5.644.481	5.644.000
+ Bảo hiểm sản phẩm tư vấn	11.872.026	0
+ Thí nghiệm mẫu đất	2.000.000	0
+ Thẩm tra hồ sơ thầu	3.135.549	0
+ Chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình	72.042.023	0
- Chi phí khác	963.923.210	652.774.000
+ Bảo hiểm công trình	178.361.590	178.360.000
. Gói số 01 (San nền mặt bằng)	74.832.937	74.832.000
. Gói số 02 (Hệ thống thoát nước: nước mưa + thải)	28.529.003	28.529.000
. Gói số 03 (Hệ thống giao thông nội bộ)	35.091.097	35.091.000
. Gói số 04 (Hệ thống cấp nước)	4.710.647	4.710.000
. Gói số 05 (Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng)	13.725.369	13.725.000
. San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải	20.728.517	20.729.000

sinh hoạt, đường giao thông và cấp nước sinh hoạt (bổ sung)		
. Đường dây 0,4kV và điện chiếu sáng (bổ sung)	744.020	744.000
+ Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	31.862.076	30.177.000
+ Lệ phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	12.751.776	0
+ Lệ phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	8.592.956	0
+ Rà phá bom mìn, vật nổ	272.348.000	272.348.000
+ Chi phí Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu	9.454.872	0
+ Chi phí nghiệm thu đóng điện	50.347.114	0
+ Kiểm toán quyết toán	227.435.641	0
+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	172.769.185	171.889.000
- Dự phòng chi	2.790.330.006	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 213.440.000 đồng.

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản (Chi phí lập quy hoạch chi tiết): 213.440.000 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			74.264.760.000	74.264.760.000
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			74.264.760.000	74.264.760.000
- Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	74.478.200.000	
- Đã thanh toán	74.556.728.000	
+ Nguồn vốn vay ngân hàng	15.671.335.000	
+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất	31.261.431.000	
+ Nguồn bán cổ phiếu của Công ty Pisico	1.885.688.000	
+ Nguồn bán cổ phiếu của Công ty đường Bình Định	134.820.000	
+ Nguồn sự nghiệp kinh tế	88.440.000	
+ Nguồn đấu giá quyền sử dụng đất	2.739.019.000	
+ Nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương	61.509.000	
+ Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất	4.497.983.000	
+ Nguồn thu tiền thuê đất nộp một lần	2.033.000.000	
+ Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh	3.000.000.000	
+ Nguồn tăng thu sử dụng đất	155.112.000	
+ Nguồn hủy dự toán theo kết luận Kiểm toán CN II	171.000.000	
+ Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh	5.000.000.000	
+ Vốn ngân sách tỉnh	7.000.000.000	
+ Nguồn vay tồn ngân kho bạc	857.391.000	
- Vốn đã thu hồi	297.988.000	
- Chưa bố trí	219.460.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (01/10/2021) là:

+ Tổng số nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng số nợ phải trả:

Dvt: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	219.460.000	

- Bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng	1.200.000	
- Quản lý dự án	46.371.000	
- Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán)	171.889.000	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND thành phố Quy Nhơn	74.264.760.000	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Chi phí không tạo nên tài sản: 213.440.000 đồng (Chi phí lập quy hoạch chi tiết). Đơn vị thực hiện: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

4. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm bàn giao, tiếp nhận, quản lý, sử dụng công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng